

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985, có mặt;

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Huyền T, sinh năm 1988, có mặt;

Cùng địa chỉ: Số 547/1A, Trương Công Định, phường 7, thành phố V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông Nguyễn Văn P và bà Trịnh Huyền T tự nguyện chung sống vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và ngày 18-6-2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh B.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, cả hai

không thể tìm tiếng nói chung trong nhiều vấn đề và đặc biệt là không cùng quan điểm sống. Cuộc sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, không thể hòa hợp được. Ông bà đã nhiều lần nói chuyện để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không đạt sự đồng thuận và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Huyền T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 09-5-2013 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26-4-2017. Theo đơn khởi kiện ông P yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con và yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu 3.500.000đ/tháng (ba triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 05-8-2020 ông P đồng ý giao hai con cho bà T nuôi, và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000đ (tám triệu đồng), mỗi cháu một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trịnh Huyền T trình bày:

Về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng, bà T đồng ý với lời trình bày của ông P. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế gia đình con cái nhưng vợ chồng đã nhận ra thiếu sót và tích cực thay đổi cách sống. Tuy nhiên vẫn không tránh khỏi xảy ra tranh chấp và gần nhất là dịp Tết nguyên đán 2020 ông bà bất hòa xảy ra xô xát và phải mời công an can thiệp. Kể từ đó trở đi ông P dùng sự im lặng để giải quyết sự việc do đó vợ chồng không thể trao đổi gì thêm.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông P, bà T không đồng ý ly hôn vì những bất đồng quan điểm trong cuộc sống đều có thể thay đổi, vợ chồng thực sự có thể thay đổi để hạnh phúc. Hơn nữa, bà T vẫn còn rất yêu thương chồng con không muốn gia đình tan vỡ làm ảnh hưởng đến con cái nên bà T mong muốn ông P suy nghĩ lại.

Trường hợp Tòa buộc vợ chồng ly hôn bà T xin nhận nuôi hai con và đề nghị Tòa án không hỏi ý kiến của con, về cấp dưỡng yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), mỗi cháu 1 tháng là 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có 1 căn nhà tại số 547/1A, Trương Công Định, phường 7, thành phố V, tỉnh B. Bà T sẽ có đơn yêu cầu phân tố về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng vì không tự thỏa thuận được. Về nợ chung phát sinh khi mua nhà và chăm con bà T sẽ cung cấp cụ thể theo đơn phân tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông P được ly hôn với bà T, về con chung giao hai con cho bà T nuôi dưỡng, ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000 đồng của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông P, bà T tự nguyện chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định được UBND xã P, huyện L, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01/2012 ngày 18-6-2012. Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà không còn hạnh phúc, phía ông P cho rằng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, cả hai không thể tìm tiếng nói chung trong nhiều vấn đề. Còn bà T cũng thừa nhận vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế gia đình con cái nhưng vợ chồng đã nhận ra thiếu sót và tích cực thay đổi cách sống. Tuy nhiên vẫn không tránh khỏi xảy ra tranh chấp và gần nhất là dịp Tết nguyên đán 2020 ông bà xảy ra xô xát và phải mời công an can thiệp. Kể từ đó trở đi ông P dùng sự im lặng để giải quyết sự việc do đó vợ chồng không thể trao đổi gì thêm. Bà T không đồng ý ly hôn vì những bất đồng quan điểm trong cuộc sống đều có thể thay đổi để hạnh phúc. Tại phiên tòa, bà T vẫn mong được đoàn tụ vì còn thương yêu chồng, vì sự phát triển của các con. Hội đồng xét xử có phân tích động viên ông P trở về đoàn tụ nhưng ông P vẫn cương quyết ly hôn. Phía bà T mặc dù mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để ông P thay đổi ý định ly hôn. Như vậy cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P, bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Vì vậy yêu cầu của ông P xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Ông P, bà T xác nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 09-5-2013 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26-4-2017. Theo đơn khởi kiện ông P yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu 3.500.000đ/tháng (ba triệu năm trăm ngàn đồng). Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 05-8-2020 ông P đồng ý giao hai con cho bà T nuôi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000đ (tám triệu đồng), mỗi cháu một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên bà T không đồng ý mức cấp dưỡng trên mà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), mỗi cháu 1 tháng là 6.000.000 đồng.

Xét việc bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 12.000.000đ thì thấy: Căn cứ tài liệu chứng cứ do ông P cung cấp là Bảng lương chi tiết thu nhập của ông P tại Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ thì hiện nay mức lương hàng tháng mà ông Nguyễn Văn P được hưởng là 13.299.237đ (mười ba triệu hai trăm chín mươi chín đồng hai trăm ba mươi bảy đồng). Đối chiếu với mức lương của ông P thì việc bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), mỗi con một tháng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) là chưa phù hợp, về phía ông P chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 8.000.000đ (tám triệu đồng), mỗi cháu một tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) là phù hợp vì ông P cũng phải chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày của bản thân. Nên chỉ có cơ sở để công nhận việc ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 8.000.000đ một con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà T cho rằng tài sản chung của vợ chồng phát sinh trong hôn nhân là 1 căn nhà tại số 547/1A, Trương Công Định, phường 7, thành phố V, tỉnh B. Tại phiên hòa giải ngày 05-8-2020 bà T trình bày sẽ có đơn yêu cầu phản tố về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng vì không tự thỏa thuận được. Về nợ chung phát sinh khi mua nhà và chăm con bà T sẽ cung cấp cụ thể theo đơn phản tố. Tuy nhiên trước khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án vẫn chưa nhận được đơn yêu cầu phản tố của bà T nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét và dành quyền khởi kiện bằng 1 vụ án tranh chấp tài sản chung và nợ chung khi ly hôn cho bà T.

[3]. Về án phí : Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng số tiền án phí ông P phải nộp là 600.000 đồng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp, như vậy ông P còn phải nộp 300.000 đồng. Bà T không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với bà Trịnh Huyền T về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Trịnh Huyền T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 09-5-2013 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 26-4-2017. Bà Trịnh Huyền T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 8.000.000đ (tám triệu đồng), mỗi cháu 1 tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 8-2020 cho đến khi cháu hai con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng 1 vụ án tranh chấp tài sản chung và nợ chung khi ly hôn cho bà Trịnh Huyền T.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Tổng cộng số tiền án phí ông Nguyễn Văn P phải nộp là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001753 ngày 02-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông Nguyễn Văn P còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí. Bà Trịnh Huyền T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THA Dân sự TP Vũng Tàu;
- UBND xã P, huyện L, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

